

(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2007/TT-BTC ngày 18/4/2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Công ty cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài.
Năm báo cáo: 2008

I. Lịch sử hoạt động của Công ty

1. Những sự kiện quan trọng:

Công ty cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài là doanh nghiệp được cổ phần hoá từ doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 983/QĐ-BGTVT ngày 15/4/2004 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải và hoạt động theo giấy phép kinh doanh số 0103004824 cấp lần đầu ngày 07/7/2004 và đăng ký thay đổi lần 4 ngày 17/12/2008.

2. Quá trình phát triển

Ngành nghề kinh doanh: Chế biến suất ăn phục vụ hành khách của các hãng hàng không, các chuyến bay chuyên cơ; cung cấp các dịch vụ liên quan đến quá trình sản xuất, mua bán nguyên vật liệu thực phẩm; cung cấp suất ăn và dịch vụ cho khách hàng trong và ngoài ngành hàng không; xuất nhập khẩu trực tiếp để phục vụ chế biến suất ăn.

Tình hình hoạt động: kể từ 2004 đến nay, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh luôn đạt kết quả tốt, đời sống người lao động được đảm bảo. Từ năm 2007, Công ty chuyển sang cơ sở sản xuất mới khang trang hơn và số lượng khách hàng tăng trưởng đều hàng năm. Năm 2008, Công ty thu hút thêm được 03 khách hàng, nâng tổng số khách hàng thường xuyên của Công ty lên 11 khách hàng. Vì vậy, trong điều kiện kinh doanh hết sức khó khăn của năm 2008, Công ty vẫn đảm bảo khả năng sinh lời trên vốn chủ sở hữu là gần 30%.

3. Định hướng phát triển

Các mục tiêu chủ yếu của Công ty: tăng trưởng khoảng 10%/1 năm

Chiến lược phát triển trung và dài hạn: Phần đầu trở thành Công ty cung ứng suất ăn tầm cỡ trong khu vực, đạt tiêu chuẩn chất lượng quốc tế.

II. Báo cáo của Hội đồng quản trị

1. Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm:

- Sản lượng suất ăn: đạt 3.002.783 suất ăn tăng 11,5% so với năm 2007
- Tổng doanh thu: đạt 169,7 tỷ đồng tăng 26,8% so với năm 2007
- Lợi nhuận trước thuế: đạt 23,38 tỷ đồng tăng 8,24% so với năm 2007
- Lợi nhuận sau thuế: đạt 21,04 tỷ đồng tăng 8,2% so với năm 2007

2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch

- Sản lượng suất ăn: đạt 3.002.783 suất ăn đạt 100,08 % so với kế hoạch 2008

- Tổng doanh thu: đạt 169,7 tỷ đồng đạt 114,7 % so với kế hoạch 2008
- Lợi nhuận trước thuế: đạt 23,38 tỷ đồng đạt 101,7% so với kế hoạch 2008
- Lợi nhuận sau thuế: đạt 21,04 tỷ đồng đạt 101,7% so với kế hoạch 2008

3. Những thay đổi chủ yếu trong năm

Trong năm Công ty đã thu hút thêm 03 khách hàng mới là: China Airlines, Dragon Air và Indochina Airlines

4. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2009:

- Sản lượng: 3.251.574 suất ăn
- Doanh thu: 177,7 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế: 20,3 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế: 18,3 tỷ đồng

III. Báo cáo của Ban giám đốc

1. Báo cáo tình hình tài chính

- Khả năng sinh lời

- + Khả năng sinh lời/ Doanh thu thuần: 12,68
- + Khả năng sinh lời/Vốn chủ sở hữu: 27,65
- + Khả năng sinh lời/ Tổng tài sản: 22,34

- Khả năng thanh toán

	Thời điểm 01/01/08	Thời điểm 31/12/08
+ Khả năng thanh toán hiện thời:	2,25	3,12
+ Khả năng thanh toán nhanh:	2,06	2,82
+ Khả năng thanh toán tiền mặt:	0,30	0,90

- Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12 của năm báo cáo:

- + Giá trị tài sản tại thời điểm 31/12/2008: 94.179.791.745 đồng
- + Tổng nguồn vốn tại thời điểm 31/12/2008: 94.179.791.745 đồng

- Tổng số cổ phiếu theo từng loại

- + Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành: 5.000.000 cổ phần (mệnh giá 10.000đ/cp)
- + Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng: 5.000.000 cổ phần (cổ phần phổ thông)
- + Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 4.999.210 cổ phần phổ thông
- + Số lượng cổ phiếu quỹ: 790 cổ phần

- Cổ tức:

- + Lợi nhuận dự kiến chia cổ tức: 15,8 tỷ đồng
- + Cổ tức: 31,7 %

2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Trong năm 2008, Công ty cung cấp dịch vụ suất ăn cho hệ thống khách hàng gồm :

STT	Khách hàng	Số chuyến bay	Ghi chú
1	Vietnam Airlines (VNA)	10 Đường bay nội địa + 16 đường bay quốc tế	VNA mới mở thêm đường bay nội địa HAN-VDH, quốc tế HAN-NGO, HAN-VCA
2	Asiana Airlines (OZ)	7 chuyến /tuần	
3	Korean Air (KE)	11 chuyến/ tuần	
4	Hong Kong Airlines (HX)	5 chuyến / tuần	
5	China Southern Airlines (CZ)	7 chuyến/tuần	
6	Aereoflot (SU)	2 chuyến/tuần	
7	Vladivostok Air (XF)	1 chuyến/tuần	
8	China Airlines (CI)	7 chuyến/ tuần	nap suất ăn từ tháng 4/2008
9	Dragon Air (KA)	7 chuyến / tuần	nap suất ăn từ tháng 10/2008
10	Indochina Airlines (VP)	4 chuyến / ngày	nap suất ăn từ tháng 11/2008
11	Japan Airlines (JL)	5 chuyến / tuần	Chỉ cấp dịch vụ

và kết quả kinh doanh đạt được như sau:

DVT: 1000 VNĐ

stt	Chỉ tiêu	KH 2008	Thực hiện 2008	% thực hiện kế hoạch
1	Sản lượng	3.000.236 suất	3.002.783 suất	100,08
2	Doanh thu	147.921.871	169.706.761	114,7
3	LN trước thuế	22.990.258	23.379.197	101,7
4	Thuế TNDN	2.299.025	2.337.919	
5	LN sau thuế	20.691.232	21.041.277	101,7

3. Kế hoạch phát triển trong tương lai.

Năm 2009, trên cơ sở dự báo và phân tích thị trường Công ty đã xây dựng kế hoạch SXKD năm 2009. Dưới đây là một số chỉ tiêu chính trong kế hoạch SXKD năm 2009:

- Sản lượng: 3.251.574 suất ăn
- Doanh thu: 177,7 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế: 20,3 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế: 18,3 tỷ đồng

IV. Báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính đã được kiểm toán theo qui định của pháp luật về kế toán.

V. Bản giải trình báo cáo tài chính và báo cáo kiểm toán

Kiểm toán độc lập

- Đơn vị kiểm toán độc lập: Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn tài chính quốc tế.
- Ý kiến kiểm toán độc lập: Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty cổ phần Suất ăn Hàng không Nội bài tại ngày 31/12/2008 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

VI. Các công ty có liên quan

Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần của công ty: Tổng công ty Hàng không Việt Nam (sở hữu 60% vốn điều lệ)

VII. Tổ chức và nhân sự

- Cơ cấu tổ chức của công ty:
 - + Ban Giám đốc: Giám đốc và Phó Giám đốc
 - + Các phòng chức năng: Phòng NSHC; Phòng Kinh doanh; Phòng Sản xuất; Phòng Phục vụ chuyên bay; Phòng Tài chính kế toán; Phòng Trang thiết bị kỹ thuật; Phòng đảm bảo chất lượng..
- Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành
 - + Giám đốc: Ông Tạ Thiên Long, Thạc sỹ kinh tế; Lý luận chính trị cao cấp.
 - + Phó Giám đốc: Ông Lê Thanh Bình, Thạc sỹ kinh tế.

- Thay đổi Giám đốc điều hành trong năm: Trong năm 2008, Hội đồng quản trị Công ty đã miễn nhiệm chức danh Giám đốc của Ông Đinh Phúc Tiểu và bổ nhiệm Ông Tạ Thiên Long giữ chức danh Giám đốc Công ty từ ngày 19/5/2008.

- Quyền lợi của Ban Giám đốc: Tiền lương, thưởng của Ban giám đốc và các quyền lợi khác của Ban giám đốc

+ Giám đốc: Thu nhập 188.185.333 đồng trong năm (tính từ 19/5/2008)

+ Phó Giám đốc: Thu nhập 265.590.864 đồng trong năm

- Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động: Tổng số lao động tính đến 31/12/2008 là 310 người. thu nhập bình quân là 5,4 triệu đồng/người/tháng.

- Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị: Đại hội đồng cổ đông ngày 18/4/2008 đã chấp thuận để Ông Dương Mạnh Cường và Ông Nguyễn Bá Nhật thôi làm Ủy viên HĐQT của Công ty và bầu bổ sung Ông Nguyễn Huy Tráng và Ông Tạ Thiên Long làm Ủy viên HĐQT Công ty.

VIII. Thông tin cổ đông và Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát:

- Thành viên và cơ cấu của HĐQT, Ban kiểm soát:

+ Hội đồng quản trị:

1. Ông Nguyễn Huy Tráng: Chủ tịch HĐQT

2. Ông Tạ Thiên Long: Ủy viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty

3. Ông Nguyễn Xuân Thủy: Ủy viên HĐQT

4. Ông Trần Sỹ Ngạch: Ủy viên HĐQT

5. Ông Đinh Phúc Tiểu: Ủy viên HĐQT

+ Ban kiểm soát:

1. Ông Trần Văn Bằng: Trưởng ban kiểm soát

2. Bà Nguyễn Thị Giang: Ủy viên BKS

3. Bà Vũ Thị Kim Liên: Ủy viên BKS

- Thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho thành viên HĐQT và thành viên Ban kiểm soát: Theo Nghị quyết số 15/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12/8/2008 của Đại hội đồng cổ đông Công ty quyết định mức chi trả thù lao cho các thành viên HĐQT và BKS như sau:

+ Chủ tịch HĐQT: 4.000.000 đồng /tháng

+ Ủy viên HĐQT: 2.000.000 đồng/tháng

+ Trưởng BKS: 2.000.000 đồng/tháng

+ Ủy viên BKS: 1.000.000 đồng/tháng

2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông

Cổ đông trong nước:

- Tổng công ty HKVN: 3.000.000 cổ phần
- Công ty dịch vụ HK sân bay TSN: 500.000 cổ phần
- Công ty liên doanh sản xuất bữa ăn trên máy bay Tân sơn nhất: 85.000 cổ phần
- Các cổ đông là thể nhân : 1.414.210 cổ phần
- Cổ phiếu quỹ: 790 cổ phần

Tổng cộng: 5.000.000 cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần

Ngày 25 tháng 02 năm 2009

Giám đốc

(Đã ký)

Tạ Thiên Long

(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2007/TT-BTC ngày 18/4/2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

**CÔNG TY CỔ PHẦN
SUẤT ĂN HÀNG KHÔNG NỘI BÀI**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT
(Năm 2008)

I.A. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(Áp dụng với các doanh nghiệp trong lĩnh vực sản xuất, chế biến, dịch vụ)

Stt	<i>Nội dung</i>	Số dư đầu kỳ	Số dư cuối kỳ
I	Tài sản ngắn hạn	43.770.326.400	55.049.891.325
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	5.841.387.672	15.799.715.481
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		15.583.790.000
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	34.189.049.224	18.284.358.266
4	Hàng tồn kho	3.727.448.380	5.325.803.146
5	Tài sản ngắn hạn khác	12.441.124	56.224.432
II	Tài sản dài hạn	46.501.931.362	39.129.900.420
1	Các khoản phải thu dài hạn		
2	Tài sản cố định	44.032.277.948	38.695.215.171
	- Tài sản cố định hữu hình	44.032.277.948	37.659.067.768
	- Tài sản cố định vô hình		
	- Tài sản cố định thuê tài chính		
	- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		1.036.147.403
4	Bất động sản đầu tư		
5	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		
6	Tài sản dài hạn khác	2.469.653.414	434.685.249
III	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	90.272.257.762	94.179.791.745
IV	Nợ phải trả	19.693.513.411	18.083.655.254
1	Nợ ngắn hạn	19.534.777.072	17.615.569.937
2	Nợ dài hạn	158.736.339	468.085.317
V	Vốn chủ sở hữu	70.578.744.351	76.096.136.491
1	Vốn chủ sở hữu	70.553.419.438	76.096.136.491
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	50.000.000.000	50.000.000.000
	- Thặng dư vốn cổ phần		
	- Vốn khác của chủ sở hữu		
	- Cổ phiếu quỹ	(7.900.000)	(7.900.000)
	- Chênh lệch đánh giá lại tài sản		
	- Chênh lệch tỷ giá hối đoái		
	- Các quỹ	3.896.530.092	4.839.779.589
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	16.664.789.346	21.264.256.902
	- Nguồn vốn đầu tư XDCB		

2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	25.324.913	
	- Quỹ khen thưởng phúc lợi	25.324.913	
	- Nguồn kinh phí		
	- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		
VI	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	90.272.257.762	94.179.791.745

II.A. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

(Áp dụng với các doanh nghiệp sản xuất, chế biến, dịch vụ)

STT	Chỉ tiêu	Kỳ báo cáo	Luỹ kế
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	165.971.543.299	
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	91.115.520	
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	165.880.427.779	
4	Giá vốn hàng bán	137.593.390.181	
5	LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	28.287.037.598	
6	Doanh thu hoạt động tài chính	2.735.802.178	
7	Chi phí tài chính	63.106.693	
8	Chi phí bán hàng	3.308.214.857	
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5.232.320.931	
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	22.419.197.295	
11	Thu nhập khác	1.090.531.248	
12	Chi phí khác	130.531.003	
13	Lợi nhuận khác	960.000.245	
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	23.379.197.540	
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.337.919.754	
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	21.041.277.786	
17	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.209	

III. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

(Chỉ áp dụng đối với báo cáo năm)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	31/12/07	31/12/08
1	Cơ cấu tài sản	%		
	- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản		51.32	41.55
	- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản		48.68	58.45
2	Cơ cấu nguồn vốn	%		
	- Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn		21.82	19.20
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn		78.18	80.80
3	Khả năng thanh toán	Lần		
	- Khả năng thanh toán nhanh		2.06	2.82
	- Khả năng thanh toán hiện hành		2.25	3.12
4	Tỷ suất lợi nhuận	%		
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản		21.55	22.34
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần		14.76	12.68
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu		38.91	27.65

Ngày 25 tháng 02 năm 2009

Giám đốc

(Đã ký)

Tạ Thiên Long